

## PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo quy định thông tư số 04/2012/TT-BCT

Trang 1/8

### Neogen® MonitorMärk® 9861A

Phiên bản 0

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2024-01-10

#### Phần 1. Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

##### 1.1 Định dạng sản phẩm

Tên sản phẩm	Neogen® MonitorMärk® 9861A
Số Dành Mục	700002001

##### 1.2 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Hình thù	Chỉ báo nhiệt độ thời gian sử dụng một lần. Chỉ sử dụng cho mục đích công nghiệp hoặc chuyên nghiệp.
----------	--

##### 1.3 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

Công ty:	Neogen Corporation
Địa chỉ nhà	620 Lesher Place Lansing MI 48912 USA
Web	www.neogen.com
Điện thoại:	517-372-9200/800-234-5333
Địa chỉ email:	SDS@neogen.com

##### 1.4 Điện thoại khẩn cấp


24 giờ:	Y tế: 1-800-498-5743 (Mỹ và Canada) hoặc 1-651-523-0318 (quốc tế) Trần/CHEMTREC: 1-800-424-9300 (Hoà Kỳ và Canada) hoặc 1-703-527-3887 (quốc tế)
---------	---

#### Phần 2. Nhận dạng các nguy cơ

##### 2.1 Sự phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp

2.1.2. Phân loại (Quy định số GHS)	Eye Irrit. 2: H319;
------------------------------------	---------------------

##### 2.2 Các yếu tố nhãn

Hình đồ cảnh báo nguy cơ	
Lời cảnh báo	CẢNH BÁO
Cảnh báo nguy hiểm	Eye Irrit. 2: H319 - Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
Các lưu ý phòng ngừa: Biện pháp phòng ngừa	P264 - Rửa thật kỹ sâu khi xử lý. P280 - Đeo găng tay bảo vệ / bảo vệ bảo vệ quần áo / mắt / mặt.
Các lưu ý phòng ngừa: Biện pháp ứng phó	P305+P351+P338 - Nếu VÀO MẮT: Rửa sạch một cách thận trọng với nước trong vài phút. Loại bỏ kính áp tròng, nếu có và dễ dàng để làm. Tiếp tục rửa. P337+P313 - Nếu bị kích ứng mắt vẫn còn: Nhận tư vấn y tế / sự chú ý.

##### 2.3 Các nguy cơ khác

## Neogen® MonitorMark® 9861A

Phiên bản 0

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2024-01-10

## 2.3 Các nguy cơ khác

Các dấu hiệu nguy hiểm khác	Không ai biết.
-----------------------------	----------------

## Phần 3. Thành phần/thông tin về các phụ liệu

## 3.2 Hỗn hợp

## EC 1272/2008

Tên hóa học	Chỉ số	Số CAS	Số EC	Số REACH	Nồng độ %	Phần loại
Làuric acid		143-07-7	205-582-1		0.5 - 1%	Eye Dám. 1: H318;
Myristic acid		544-63-8	208-875-2		0.5 - 1%	Eye Irrit. 2: H319;

## Hình thè

	Nồng độ được liệt kê không phải là thông số kỹ thuật sản phẩm.
--	--

## đặc điểm hạt

	Không áp dụng được.
--	---------------------

## Thông tin khác

	Toàn văn Tuyên bố về mọi nguy được liệt kê trong Phần này được cung cấp trong Phần 16.
--	--

## Phần 4. Các biện pháp sơ cứu

## 4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Sau khi hít phải:	Di chuyển người tiếp xúc với không khí trong lành. Nếu việc thở gặp khó khăn, hãy lấy thêm khí oxy. Nếu ngừng thở, cung cấp hô hấp nhân tạo. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hoặc các triệu chứng vẫn tồn tại.
Sau khi tiếp xúc với mắt	Rửa sạch ngay với nhiều nước. Kính áp tròng nên được loại bỏ. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hoặc các triệu chứng vẫn tồn tại.
Trong trường hợp tiếp xúc với da	Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn. Rửa bằng xà phòng và nước. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hoặc các triệu chứng vẫn tồn tại.
Nếu nuốt phải:	Không gây nôn trừ khi được trung tâm kiểm soát chất độc hoặc bác sĩ y cầu làm như vậy. Rửa miệng thật kỹ. Không bảo giờ cho bất cứ điều gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Được tư vấn y tế / chú ý nếu bạn cảm thấy không khỏe.

## 4.2 Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm

Sau khi hít phải:	Có thể gây kích ứng cho hệ hô hấp.
Sau khi tiếp xúc với mắt	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
Trong trường hợp tiếp xúc với da	Có thể gây kích ứng cho da.
Nếu nuốt phải:	Ăn vào có thể gây buồn nôn và nôn.

## 4.3 Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

	Loại bỏ người bị ảnh hưởng khỏi nguồn ô nhiễm ngay lập tức. Chuyển đến bệnh viện nếu có bông hoặc triệu chứng ngộ độc. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hoặc các triệu chứng vẫn tồn tại. Nếu cần tư vấn y tế, có hộp đựng sản phẩm hoặc nhãn trong tay.
--	--

## Phần 5. Các biện pháp cứu hỏa

## 5.1 Các phương tiện chữa cháy

	Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.
--	--

## 5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp

	Chất kích thích. Sản phẩm không hỗ trợ đốt cháy. Không cho phép sản phẩm không phải loãng được xả vào nước ngầm, dòng nước hoặc hệ thống nước thải.
--	---

## Neogen® MonitorMärk® 9861A

Phiên bản 0

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2024-01-10

## 5.3 Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa

Không hít hơi hoặc phun sương. Mặc thiết bị thở độc lập và quần áo bảo vệ hóa học.

## Phần 6. Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

## 6.1 Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp

Sử dụng khí thích hợp: Thiết bị bảo vệ, quần áo bảo hộ. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Tránh tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.

## 6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường

Ngăn chặn sự cố tràn thềm nếu an toàn. Làm sạch khu vực tràn đầy với nhiều nước. Không xả vào nước mặt. Đừng để sản phẩm gây ô nhiễm dưới đất.

## 6.3 Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch

Hấp thụ bị đổ để ngăn chặn thiệt hại vật chất. Làm sạch khu vực tràn đầy với nhiều nước. Không làm nhiễm bẩn nước bằng cách làm sạch thiết bị hoặc xử lý chất thải.

## 6.4 Xem các mục khác

Xem Phần (2, 8, và 13) để biết thêm thông tin.

## Phần 7. Các lưu ý khí thải tác và lưu trữ

## 7.1 Các biện pháp phòng ngừa để thảo tác an toàn với hóa chất

Áp dụng các cảnh nhắc Xử lý thủ công tốt nhất khí xử lý, màng và phả chế. Tránh tiếp xúc với mắt. Không ăn, uống hoặc hút thuốc ở những khu vực sử dụng hoặc bảo quản sản phẩm này. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Không làm nhiễm bẩn nước bằng cách làm sạch thiết bị hoặc xử lý chất thải. Sử dụng khí thích hợp: quần áo bảo hộ. Đọc toàn bộ nhãn và làm theo tất cả các hướng dẫn sử dụng, hạn chế và biện pháp phòng ngừa.

## 7.2 Các điều kiện lưu giữ an toàn, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào

Lưu trữ trong các thùng chứa có nhãn chính xác. Giữ kín thùng chứa. Không làm ô nhiễm nước, thực phẩm hoặc thức ăn bằng cách lưu trữ hoặc xử lý. Làm theo hướng dẫn trên nhãn.

## 7.3 Sử dụng cụ thè

Xem Phần (1.2) để biết thêm thông tin.

## Thông tin khác

Thăm khảo nhãn sản phẩm và / hoặc gói chèn để biết thêm thông tin. Làm theo hướng dẫn trên nhãn.

## Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

## 8.1 Các thông số kiểm soát

Không có giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp được biết đến.

## 8.2 Kiểm soát phơi nhiễm

## 8.2.1. Các biện pháp kỹ thuật

Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ.

## 8.2.2. Các biện pháp bảo hộ cá nhân

Sử dụng khí thích hợp: Thiết bị bảo vệ.

## Bảo vệ mắt/mặt

Sử dụng khí thích hợp: Bảo vệ mắt/mặt.

## Bảo vệ tay

Sử dụng khí thích hợp: Găng tay chống hóa chất làm bằng bất kỳ vật liệu chống thấm nào. Rửa bên ngoài găng tay trước khi tháo chúng ra.

## Thiết bị bảo hộ khác

Sử dụng khí thích hợp: quần áo bảo hộ. Rửa quần áo bị ô nhiễm, tách biệt với các loại Giặt khác, với chất tẩy rửa và nước trước khi tái sử dụng.

## Bảo vệ hô hấp

Trong trường hợp thiếu gió, đeo thiết bị hô hấp thích hợp.

## Kiểm soát phơi nhiễm nghề nghiệp

Phơi nhiễm trên giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp được đề xuất (OEL) có thể gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe. Bảo vệ quần áo khỏi tiếp xúc với sản phẩm. Cung cấp hóa chất tắm. Cung cấp trạm

## Neogen® MonitorMärk® 9861A

Phiên bản 0

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2024-01-10

## 8.2 Kiểm soát phơi nhiễm

	rửa mắt.
--	----------

## Thông tin khác

	Cởi bỏ và giặt quần áo bị nhiễm bẩn trước khi tái sử dụng.
--	--

## Phần 9. Các tính chất vật lý và hoá học

## 9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hoá học

Hình thể	Chất lỏng/(Chứa trong thiết bị)
Màu sắc	Màu xanh da trời
Mùi đặc trưng	Không mùi
Ngưỡng mùi	Không có thông tin
Độ pH	Không có thông tin
Điểm nóng chảy	Không có thông tin
Điểm đóng băng	Không có thông tin
Điểm sôi bình thường	Không có thông tin
Điểm chớp cháy mở	Không áp dụng được
Tỷ lệ hoá hơi	Không có thông tin
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	Không có thông tin
Áp suất hoá hơi	Không có thông tin
Mật độ hơi tương đối	Không có thông tin
Mật độ / Mật độ tương đối	Không có thông tin
Độ hòa tan chất béo	Không có thông tin
Hệ số phân tán	Không có thông tin
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không áp dụng được
Độ nhớt, động lực	Không có thông tin
Đặc tính cháy nổ	Không áp dụng được
Đặc tính ôxy hoá	Không có thông tin
Tính tan trong nước	Không áp dụng được

## 9.2 Các dữ liệu khác

Tính dẫn	Không có thông tin
Sức căng bề mặt	Không có thông tin
Nhóm khí	Không có thông tin
Hàm lượng benzen	Không có thông tin
Nội dung dẫn đầu	Không có thông tin
VOC (Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi)	Không có thông tin

## Phần 10. Tính ổn định và tính phản ứng

## 10.1 Khả năng phản ứng

	Ổn định trong điều kiện bình thường.
--	--------------------------------------

## 10.2 Tính ổn định hoá học

	Ổn định trong điều kiện bình thường.
--	--------------------------------------

## 10.3 Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm

	Trong các điều kiện quy định, các phản ứng nguy hiểm dẫn đến nhiệt độ hoặc áp suất quá mức không được mong đợi.
--	---

## 10.4 Các điều kiện cần tránh

	Tránh xa nhiệt độ cực đoan.
--	-----------------------------

## Neogen® MonitorMark® 9861A

Phiên bản 0

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2024-01-10

## 10.5 Các vật liệu xung khắc

Không có thông tin.

## 10.6 Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm

Ôxít carbon.

## Phần 11. Thông tin độc học

## 11.1 Thông tin về các loại nguy hiểm

<b>Ngộ độc cấp tính</b>	Dựa trên dữ liệu có sẵn, các triệu chứng phân loại không được đáp ứng. Tuy nhiên, sản phẩm này có chứa (các) chất được phân loại là nguy hiểm. Đề biết thêm thông tin, xem Phần 3.
<b>Ăn mòn / kích ứng da</b>	Có thể gây kích ứng cho da.
<b>Tổn thương / kích ứng mắt nghiêm trọng</b>	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
<b>Nhạy cảm</b>	Có thể gây ra phản ứng dị ứng ở những người nhạy cảm.
<b>Biến đổi tế bào gốc</b>	Không có tác dụng gây đột biến được báo cáo.
<b>Độc tính gây ung thư</b>	Không có thành phần lớn hơn 0,01% được liệt kê trong hội nghị Hoả Hygienists của chính phủ công nghiệp (ACGIH) hướng dẫn về các giá trị phơi nhiễm nghề nghiệp. Không có thành phần lớn hơn 0,01% được liệt kê trong cơ quan quốc tế nghiên cứu về ung thư (IARC) chuyển khảo. Không có thành phần lớn hơn 0,1% được liệt kê trong chương trình độc quốc gia (NTP) báo cáo về chất gây ung thư. Không được liệt kê trong tiêu chuẩn OSHA 1910.1003 Chất gây ung thư.
<b>Độc tính đối với sinh sản</b>	Không có tác dụng gây quái thai báo cáo.
<b>Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể - phơi nhiễm đơn lẻ</b>	Có thể gây ra dị ứng hoặc hen suyễn hoặc các triệu chứng khó thở nếu hít.
<b>Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần</b>	Không có mối nguy hiểm đáng kể.
<b>Nguy cơ hô hấp</b>	Không có mối nguy hiểm đáng kể.
<b>Tiếp xúc nhiều lần hoặc kéo dài</b>	Tránh tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại. Sự xuất hiện chậm trễ của các triệu chứng và phát triển quá muộn cảm (khó thở, ho, hen suyễn) là có thể.

## 11.1.2. Hỗn hợp

Xem Phần (3) để biết thêm thông tin.

## 11.1.3. Thông tin nguy hiểm

Xem Phần (2 và 3) để biết thêm thông tin.

## 11.1.4. Thông tin độc tính

Không có thông tin

## 11.1.5. Nhóm sự cố

Xem Phần (2 và 14) để biết thêm thông tin.

## 11.1.6. Tiêu chí phân loại

Dựa trên các cảnh nhắc của Hệ thống hài hòa toàn cầu (GHS) để phân loại hỗn hợp. Xem Phần 15 để trích dẫn quy định.

## 11.1.7. Thông tin về các tuyến đường có khả năng bị phơi nhiễm

Sâu khí tiếp xúc với mắt. Trong trường hợp tiếp xúc với da. Nếu nuốt phải: Sâu khí hít phải:.

## 11.1.8. Các triệu chứng liên quan đến các đặc tính vật lý, hoá học và độc tính

Xem Phần (4.2) để biết thêm thông tin.

## Neogen® MonitorMark® 9861A

Phiên bản 0

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2024-01-10

## 11.1.9. Các tác dụng bị trì hoãn và ngay lập tức cũng như các tác động mãn tính do phơi nhiễm ngắn hạn và dài hạn

Xem Phần (4.2) để biết thêm thông tin.

## 11.1.10. Hiệu ứng tương tác

Không có thông tin.

## 11.1.11. Thiếu dữ liệu cụ thể

&lt;1% hỗn hợp này bao gồm các thành phần độc tính cấp tính chưa biết.

## 11.1.12. Hỗn hợp so với thông tin chất

Xem Phần (3) để biết thêm thông tin.

## 11.1.13. Thông tin khác

Không có thông tin.

## 11.2 Thông tin về các mối nguy hiểm khác

Không có thông tin.

## Phần 12. Thông tin sinh thái học

## 12.1 Độc tính

Không có thông tin

## 12.2 Tính bền vững và phân hủy

Không có thông tin.

## 12.3 Tiềm năng tích lũy sinh học

Không có thông tin.

## 12.4 Tính biến đổi trong đất

Không có thông tin.

## 12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Không có thông tin.

## 12.6 Đặc tính phá vỡ nội tiết

Không có thông tin.

## 12.7 Các ảnh hưởng có hại khác

Dữ liệu thử nghiệm cụ thể cho hỗn hợp là không có sẵn.

## Thông tin khác

Tránh xả hồ, ao, hoặc suối. Tránh để sản phẩm gây ô nhiễm dưới đất.

## Phần 13. Các lưu ý về tiêu hủy

## 13.1. Các phương pháp xử lý chất thải

Vứt bỏ tuân thủ tất cả quy định của địa phương và quốc gia. Làm theo hướng dẫn trên nhãn.

## Phương pháp xử lý

Không làm nhiễm bẩn nước bằng cách làm sạch thiết bị hoặc xử lý chất thải. Không xả vào nước mặt. Vứt bỏ tuân thủ tất cả quy định của địa phương và quốc gia.

## Xử lý bảo bì

Container không thể đổ. Không tái sử dụng đồ chứa này.  
Lưu trữ trong hộp kín bán đầu cách xa thực phẩm hoặc thức ăn.

## Phần 14. Thông tin vận chuyển

## 14.1 Số UN

## Neogen® MonitorMark® 9861A

Phiên bản 0

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2024-01-10

## 14.1 Số UN

Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho vận chuyển.

## 14.2 Tên vận chuyển thích hợp

Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho vận chuyển.

## 14.3 Hạng

Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho vận chuyển.

## 14.4 Nhóm đóng gói

Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho vận chuyển.

## 14.5 môi trường độc hại

Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho vận chuyển.

## 14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng

Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho vận chuyển.

## 14.7 Vận tải biển số lượng lớn theo các công cụ của IMO

Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho vận chuyển.

## Phần 15. Thông tin pháp luật

## 15.1 Các quy định/lệnh pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

## Quy định

Thông tư số 04/2012/TT-BCT.

## Danh mục hóa chất / Danh sách phải biết:

Liên hệ với SDS@neogen.com để biết thêm thông tin. Vui lòng chỉ định quốc gia hoặc khu vực với yêu cầu của bạn.

Dự luật 65 của California: Sản phẩm này không chứa chất reportable tại &gt; 0,0001% nồng độ.

## Phần 16. Các thông tin khác

## Các thông tin khác

## Chú thích đối với các từ viết tắt sử dụng trong Bảng dữ liệu an toàn

ADR / RID: Các thỏa thuận châu Âu liên quan đến vận chuyển hàng hóa nguy hiểm quốc tế bằng đường sắt (RID) và bằng đường bộ (ADR).

CAS số: Dịch vụ tóm tắt hóa học.

LỚP: Bảng phân loại, ghi nhãn và dữ liệu an toàn của quy định về hóa chất độc hại 2013 (Malaysia).

FIFRA: Đạo luật diệt côn trùng, diệt nấm và diệt chuột liên bang Hoa Kỳ.

GHS: Hệ thống hài hòa toàn cầu.

HCS 2012: Tiêu chuẩn truyền thông nguy hiểm của Hoa Kỳ (sửa đổi năm 2012).

IATA: Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế.

ICAO: Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế.

IMDG: Hàng hóa nguy hiểm hàng hải quốc tế.

LD: Liều gây tử vong.

OEL: Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

OSHA: Cơ quan quản lý sức khỏe và an toàn lao động Hoa Kỳ.

PEL: Giới hạn phơi nhiễm cho phép.

REACH: Đăng ký, Đánh giá, Ủy quyền và Hạn chế Hóa chất.

STOT: Độc tính của cơ quan đích cụ thể.

SVHC: Chất gây lo ngại rất cao.

DOT Hoa Kỳ: Bộ Giao thông Vận tải Hoa Kỳ.

VOC: Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi.

WEL: Giới hạn tiếp xúc nội làm việc.

## Nội dung chi tiết của Bảng kê H có liên quan đến mục 3.

Eye Dám. 1: H318 - Gây thiệt hại mắt nghiêm trọng.

Eye Irrit. 2: H319 - Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

## Thông tin khác

## Neogen® MonitorMark® 9861A

Phiên bản 0

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2024-01-10

## Thông tin khác

**TUYÊN BỐ TỪ CHỐI:** Các thông tin và khuyến nghị được nêu trong tài liệu này ("Thông tin") được trình bày với thiện chí và được cho là chính xác kể từ ngày bản hành. Không có đại diện nào được thực hiện liên quan đến tính đầy đủ hoặc chính xác của Thông tin. Hơn nữa, do có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng sản phẩm này, Thông tin được cung cấp với điều kiện người đó nhận được sẽ tự quyết định về sự phù hợp của mình cho mục đích dự nhất của họ, trước khi sử dụng.

Trừ khi được quy định rõ ràng trong tài liệu này, **KHÔNG CÓ ĐẢM BẢO, BẢO ĐẢM, HOẶC ĐẠI DIỆN CỦA BẤT K K LOẠI NÀO, ĐẠI DIỆN HOẶC ĐẠI DIỆN CỦA BẤT K K LOẠI NÀO, R EX RÀNG HOẶC ĐẠI DIỆN ĐƯỢC GIẢI QUYẾT B USNG VIỆC SỬ DỤNG SẢN PHẨM NÀY** được thực hiện đối với sản phẩm này hoặc sử dụng sản phẩm này. Sản phẩm được bảo hiểm được trang bị "nguyên trạng" và chỉ tuân theo các bảo hành được cung cấp ở đây, không có trách nhiệm pháp lý nào xảy ra do việc sử dụng sản phẩm này.